

Số: **589** /STC-QLGCS&TCND

Tuyên Quang, ngày **27** tháng 3 năm 2023

V/v đăng tải và xin
ý kiến vào dự thảo Văn bản
quy phạm pháp luật

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh Tuyên Quang;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị xã hội;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. Để Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị:

1. Các cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi) tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính **trước ngày 14/4/2023** để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình UBND tỉnh.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi qua hộp thư điện tử hoặc hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT; QLGCS&TCDN (M.Nga).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên



Số Tr-STC

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Quyết định của UBND tỉnh
Ban hành quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Quy định của pháp luật

Tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định:

“Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm định giá

...

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- a) Giá các loại đất;
- b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

đ) Giá nước sạch sinh hoạt;

e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

h) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

i) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

k) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

m) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

Tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (được sửa đổi tại điểm d khoản 8 Điều 1 Nghị định số

149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định: “*Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá. Trường hợp sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; trường hợp thẩm định bằng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.*”

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về danh mục dịch vụ công

- Khoản 3, 4, 5, 6, 7 Danh mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quy định các sản phẩm, **dịch vụ công ích** trong lĩnh vực xây dựng như:

“...3. *Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.*

4. *Dịch vụ cấp, thoát nước đô thị.*

5. *Dịch vụ cấp điện, chiếu sáng đô thị.*

6. *Dịch vụ thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng.*

7. *Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị”.*

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND, trong đó quy định về việc thẩm định, trình đơn giá, dự toán **dịch vụ công ích đô thị**.

- Ngày 29/11/2019, Nghị định số 130/2013/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, tại khoản 3, 4, 5 Mục II Biểu 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định: “*Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng:*

...3. *Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.*

4. *Dịch vụ chiếu sáng đô thị.*

5. *Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng...”.*

Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; dịch vụ chiếu sáng đô thị; dịch vụ thu gom, phân loại,

vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng **không còn thuộc Danh mục dịch vụ công ích mà thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công**, nhưng Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND quy định trách nhiệm của Sở Xây dựng trong việc lập, trình, thẩm định đối với **dịch vụ công ích đô thị** và chưa xác định được thẩm quyền lập, trình, thẩm định các **dịch vụ sự nghiệp công** theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2.2. Quy định về việc lập, thẩm định, trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước

Hiện nay việc lập, thẩm định, trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh, gồm 04 loại phương án giá, như sau:

a) Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích và lĩnh vực quản lý và bảo trì đường bộ các tuyến đường tỉnh

- Cơ quan lập phương án giá: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan quản lý chuyên ngành: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.
- Cơ quan trình UBND tỉnh: Sở Giao thông vận tải.

b) Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý và bảo trì đường bộ các tuyến đường đô thị.

- Cơ quan lập phương án giá: UBND các huyện, thành phố.
- Cơ quan quản lý chuyên ngành: Sở Xây dựng.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.
- Cơ quan trình UBND tỉnh: Sở Xây dựng.

c) Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích công cộng, công ích đô thị.

- Cơ quan lập phương án giá: UBND các huyện, thành phố.
- Cơ quan quản lý chuyên ngành: Sở Xây dựng.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.
- Cơ quan trình UBND tỉnh: Sở Xây dựng.

d) Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích và lĩnh vực quản lý và bảo trì đường bộ các tuyến đường huyện

- Cơ quan lập phương án giá: UBND các huyện, thành phố.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính.

Do Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh không quy định rõ về cơ quan trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý và bảo trì đường bộ các tuyến đường huyện trình UBND tỉnh nên hiện nay Sở Tài chính vừa là cơ quan thẩm định và vừa là cơ quan trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Các nội dung UBND tỉnh đã đính chính

- Tại khoản 9 Điều 8 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh đã được sửa đổi tại Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh có nhiều nội dung đã được đính chính tại Văn bản số 2025/UBND-TH ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh, cụ thể đính chính tại các nội dung sau:

- Tại điểm a khoản 5 Điều 5 Quyết định 06/2017/QĐ-UBND ghi: “a) Giá nước sạch sinh hoạt ở khu vực nông thôn không thuộc điểm a khoản 1 Điều này;”.

- Tại mục *Nơi nhận*: “- Như điều 3: Thi hành;”.

Từ quy định và nội dung nêu trên cần thiết phải xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích: Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm:

Phù hợp với quy định của pháp luật, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Xây dựng Quyết định phù hợp với điều kiện thực tế, thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

Tập trung khắc phục những tồn tại, vướng mắc tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh, đảm bảo thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/ 6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Luật Phí và lệ phí số 97 /2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2023.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Sở Tài chính đã thành lập tổ soạn thảo dự thảo Quyết định và xây dựng Kế hoạch soạn thảo dự thảo Quyết định.

Sở Tài chính đã có Công văn số .../STC-QLGCS&TCND ngày .../3/2023 gửi các cơ quan có liên quan và Sở Thông tin và Truyền thông về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân. Kết quả đã có .../... cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có ý kiến tham gia. Sở Thông tin và Truyền thông có Công văn số .../STTT-BBTCTTĐT ngày .../.../2023 về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Cổng thông tin điện tử tỉnh đối với dự thảo văn bản QPPL, kết quả từ ngày .../3/2023 đến ngày .../.../2023 có ... ý kiến đóng góp từ hệ thống.

Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo

ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../.../2023.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định gồm 02 phần: Quyết định và Quy định.

5.1. Quyết định: Gồm 03 Điều.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng...năm 2023; Thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá và quyết định giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và bãi bỏ Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

5.2. Quy định

a) Chương I: Quy định chung, gồm 03 Điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng.

b) Chương II: Quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá, gồm 03 Điều.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định giá.

Điều 5. Phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Hồ sơ, nội dung phương án giá, thời gian thẩm định giá, quyết định phê duyệt phương án giá và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá.

c) Chương III: Phân cấp quản lý giá, quyết định giá, gồm 02 Điều.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý giá của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý giá của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

d) Chương IV: Tổ chức thực hiện

Điều 9: Sở Tài chính có trách nhiệm.

Điều 10: Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quy định.

VI. NHỮNG ĐIỀU CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh.

(Xin trình kèm: Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh; Tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia của các đơn vị; Tổng hợp, giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLGC&TCDN (M.Nga)

GIÁM ĐỐC

Hà Trung Kiên

Số: /2023/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023



QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị

định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số.../TTr-STC ngày... tháng... năm 2023 về dự thảo Đề nghị xây dựng Quyết định của UBND tỉnh về việc Quyết định quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm 2023; Thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá và quyết định giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và bãi bỏ Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp; (Báo
- Thường trực Tỉnh uỷ; cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

QUY ĐỊNH**BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số .../2023/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang;
2. Các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân sản xuất kinh doanh có liên quan đến giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, đăng ký, kê khai giá, giá do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang quyết định.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Các nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II**QUY TRÌNH LẬP, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ, THẨM QUYỀN
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP
THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ****Điều 4. Thẩm quyền quyết định giá**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:
 - a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.
 - b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì xây dựng, tổng hợp phương án giá: Giá nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà, giá tính thuế tài nguyên;

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giá nước sạch cho sinh hoạt tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước quản lý, khai thác, vận hành; giá nước sạch được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách;

c) Thẩm định, có ý kiến về giá đối với phương án giá do các Sở, ngành, chủ trì xây dựng, tổng hợp trước khi các Sở, ngành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Sở Giao thông Vận tải.

a) Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt do nhà nước tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong đô thị, trong khu công nghiệp;

b) Giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

c) Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

đ) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

e) Giá dịch vụ quản lý, duy tu bảo dưỡng đường bộ các tuyến đường huyện, đường tỉnh.

g) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Xây dựng.

a) Giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng, đô thị: Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ chiếu sáng đô thị;

b) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

c) Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng xây dựng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hóa chủ yếu;

đ) Giá nhà, công trình gắn liền với đất và di chuyển mồ mả để tính bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật;

e) Giá tối đa đối với: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

g) Giá dịch vụ quản lý, duy tu bảo dưỡng đường bộ các tuyến đường đô thị.

h) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Xây dựng giá các loại đất trên địa bàn;

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;

c) Đơn giá sản phẩm: Đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

d) Giá cụ thể đối với: Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

e) Giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

g) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Công Thương.

a) Đơn giá bồi thường công trình điện;

b) Giá cụ thể đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- a) Giá nước sạch sinh hoạt ở khu vực nông thôn;
- b) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cho thuê các loại rừng;
- c) Giá giống cây trồng thuộc các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;
- d) Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, con vật nuôi để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;
- đ) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.
- e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Sở Y tế

Chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định sau khi văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với giá dịch vụ khám, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế).

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định sau khi văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

9. Đối với các loại giá đất; giá cho thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai hiện hành.

Điều 6. Hồ sơ, nội dung phương án giá, thời gian thẩm định giá, quyết định phê duyệt phương án giá và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá.

1. Hồ sơ phương án giá hoặc điều chỉnh giá (sau đây gọi chung là hồ sơ phương án giá) thực hiện theo mẫu ban hành tại phụ lục số 2a kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá).

2. Nội dung phương án giá gồm:

a) Sự cần thiết phải định giá hoặc điều chỉnh giá;

b) Căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá: Thực hiện theo quy định tại các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tài sản, hàng hóa, dịch vụ cần định giá, điều chỉnh giá;

c) Bản tính toán giá thành hàng hóa, dịch vụ (nếu sản xuất trong nước), giá vốn nhập khẩu (nếu là hàng hóa nhập khẩu); giá bán hàng hóa, dịch vụ, cơ cấu các mức giá kiến nghị phải thực hiện theo Quy chế tính giá do Bộ Tài chính quy định. Trường hợp tài sản, hàng hóa, dịch vụ có Quy chế tính giá cụ thể riêng do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thì tính giá theo Quy chế đó;

- So sánh các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án giá đề nghị với các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án giá được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng (+), giảm (-);

- So sánh mức giá đề nghị với mức giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ tương tự ở thị trường trong nước và thị trường của một số nước trong khu vực (nếu có) theo phương pháp tính giá quy định tại Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

d) Dự kiến tác động của mức giá mới đối với hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác đến ngân sách nhà nước, tác động đến đời sống, xã hội, thu nhập của người tiêu dùng;

đ) Các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện mức giá mới.

3. Thời gian thẩm định giá và quyết định phê duyệt phương án giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân lập phương án giá trong việc trình thẩm định, phê duyệt:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các định mức, căn cứ và những thông tin có liên quan đến các yếu tố hình thành giá;

b) So sánh, phân tích và giải trình tính hợp lý, hợp lệ về mức giá đề xuất.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ GIÁ, QUYẾT ĐỊNH GIÁ

Điều 7. Trách nhiệm quản lý giá của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định giá của cấp có thẩm quyền quyết định, các quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá và niêm yết giá.

2. Có trách nhiệm tham mưu, xây dựng lập, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng phương án giá phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc Sở Tài chính quyết định theo thẩm quyền.

4. Tham gia Hội đồng thẩm định giá, xây dựng các phương án giá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và Sở Tài chính đề nghị.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý giá của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

1. Triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá, thẩm định giá, thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm về giá trên địa bàn để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định giá của các cấp có thẩm quyền trên địa bàn huyện.

3. Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Điều tra thu thập thông tin, giá cả thị trường, hàng hóa vật tư lưu thông trên thị trường, phân tích và dự báo sự biến động giá trên địa bàn và lưu trữ thông tin về giá, báo cáo hàng tháng về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để nắm bắt tình hình giá cả thị trường (theo hướng dẫn của Sở Tài chính).

5. Điều tra các loại đất, cập nhật thông tin về giá đất trên địa bàn, giá đất trên các trục đường giao thông, giá đất ở các vùng đô thị, nông thôn theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở ban ngành thuộc tỉnh, định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Tổ chức tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá hàng hóa dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về giá theo quy định của pháp luật. Tiến hành điều tra chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, giá mua, giá bán sản phẩm hàng hóa thuộc diện bình ổn giá, trợ giá theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cùng cấp chủ trì và phối hợp với các phòng ban chuyên môn quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và đăng ký giá, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn huyện.

9. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu áp dụng thực hiện có sự thay đổi thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó. Trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Tài chính để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến giải quyết kịp thời./.